

BIỂU PHÍ

Đơn vị: VND

I. BẢO HIỂM TAI NẠN CON NGƯỜI

STT	Sự kiện được bảo hiểm	Quyền lợi	Tỷ lệ phí bảo hiểm/người/năm
1	Tử vong	Toàn bộ số tiền bảo hiểm	0.10%
2	Thương tật toàn bộ vĩnh viễn	Toàn bộ số tiền bảo hiểm	
3	Thương tật bộ phận vĩnh viễn	Phần trăm của tổng số tiền bảo hiểm. Số phần trăm thương tật được ghi rõ trong bảng chỉ trả thương tật.	
4	Mất thu nhập	<p>Quyền lợi này chỉ trả cho trường hợp người được bảo hiểm bị thương tật tạm thời theo 1 trong 2 cách sau, tùy theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận Bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp chọn STBH theo ngày: số tiền được bảo hiểm trong một ngày nhân với số ngày mất thu nhập thực tế.- Trường hợp chọn STBH theo tháng: Lương trong một ngày nhân với số ngày mất thu nhập thực tế. <p>Việc thanh toán khoản bồi thường này trong mọi trường hợp đều không được vượt quá hạn mức quy định trong hợp đồng bảo hiểm.</p>	Từ 0.25% đến 0.35%

II. BẢO HIỂM CHI PHÍ Y TẾ

STT	Hạn mức tối đa	Gói 1	Gói 2	Gói 3	Gói 4	Gói 5
	Hạng mục bảo hiểm					
1	Giới hạn lãnh thổ	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
2	Hạn mức tối đa cả năm/người	50,000,000	75,000,000	125,000,000	250,000,000	500,000,000
3	Chi phí bệnh viện/ngày, tối đa 90 ngày/năm, bao gồm: -Phòng bệnh và ăn uống -Thuốc kê đơn -Phí bác sỹ -Chi phí xét nghiệm -Các thiết bị y tế khác	2,500,000	3,750,000	6,250,000	12,500,000	17,500,000
4	Chi phí chăm sóc đặc biệt/ngày, tối đa 30 ngày/năm.	Không áp dụng	Không áp dụng	7,500,000	20,000,000	25,000,000
5	Chi phí phẫu thuật/năm	50,000,000	75,000,000	125,000,000	250,000,000	500,000,000
	Chi phí phẫu thuật trong ngày	5,000,000	6,250,000	7,500,000	15,000,000	25,000,000
	Chi phí phẫu thuật cấy ghép bộ phận cơ thể/suốt đời	Không áp dụng	Không áp dụng	25,000,000	75,000,000	125,000,000
6	Điều trị trước nhập viện/năm (trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện).	2,000,000	2,500,000	2,500,000	5,000,000	7,500,000
7	Điều trị sau xuất viện/năm (trong vòng 30 ngày kể từ khi xuất viện).	2,000,000	2,500,000	2,500,000	5,000,000	7,500,000
8	Dịch vụ ngoại trú tai nạn khẩn cấp (Hạn mức năm cho bất cứ phương pháp hay việc điều trị nào mà người được bảo hiểm nhập viện điều trị trong ngày)	8,750,000	12,500,000	15,000,000	25,000,000	37,500,000
9	Chi phí cấp cứu	Toàn bộ chi phí	Toàn bộ chi phí	Toàn bộ chi phí	Toàn bộ chi phí	Toàn bộ chi phí
10	Trợ cấp nằm viện theo đêm	75,000	125,000	125,000	200,000	375,000
11	Trợ cấp mai táng	2,500,000	2,500,000	3,750,000	5,000,000	7,500,000
Phí bảo hiểm/người/năm		Từ 1,525,000 VND				

III. TỬ VONG, THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VĨNH VIỄN DO ÓM ĐAU, BỆNH TẬT, THAI SẢN

No.	Insured risks	Quyền lợi	Tỉ lệ phí bảo hiểm/người/năm
1	Tử vong	Toàn bộ số tiền bảo hiểm	0.1833%
2	Thương tật toàn bộ vĩnh viễn		

IV. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TÙY CHỌN

1. ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ

Lựa chọn	Lựa chọn 1	Lựa chọn 2	Lựa chọn 3	Lựa chọn 4	Lựa chọn 5
Hạn mức năm	7,500,000	12,500,000	17,500,000	25,000,000	30,000,000
Phí bảo hiểm/người/năm	Từ 1,875,000 VND				

2. ĐIỀU TRỊ NHA KHOA

Lựa chọn	Lựa chọn 1	Lựa chọn 2	Lựa chọn 3	Lựa chọn 4
Hạn mức năm	1,250,000	2,500,000	5,000,000	7,500,000
Phí bảo hiểm/người/năm	Từ 500,000 VND			

3. CHĂM SÓC THAI SẢN

Lựa chọn	Lựa chọn 1	Lựa chọn 2	Lựa chọn 3	Lựa chọn 4
Hạn mức năm	10,000,000	15,000,000	25,000,000	37,500,000
Phí bảo hiểm/người/năm	Từ 1,500,000 VND			

LƯU Ý QUAN TRỌNG:

Biểu phí bảo hiểm trên chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi dựa trên:

- Thông tin bảo hiểm (bao gồm nhưng không giới hạn ở bản kê khai, số lượng người được bảo hiểm, hiệu suất tổn thất) do người tham gia bảo hiểm cung cấp.
- Phạm vi bảo hiểm (bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền lợi, điều khoản mở rộng, điều khoản loại trừ, giới hạn trách nhiệm, điều kiện áp dụng đặc biệt, v.v.) sau khi thảo luận và thỏa thuận với Công ty TNHH Bảo hiểm MSIG (Việt Nam).

Để có báo giá chính xác, vui lòng liên hệ Công ty TNHH Bảo hiểm MSIG (Việt Nam).